

THÔNG BÁO QUAN TRỌNG

- Hướng dẫn dành cho người nộp đơn lần đầu về nghĩa vụ hợp tác và
- Hướng dẫn thủ tục chung dành cho người nộp đơn lần đầu

Quyền và nghĩa vụ trong quá trình thực hiện thủ tục tị nạn

- Hướng dẫn cấp quốc gia -

Kính gửi Ông/Bà,

Quý vị đã nộp đơn xin tị nạn tại Cộng hòa Liên bang Đức và sẽ tiếp tục hoàn thiện đơn này. Đơn xin tị nạn của quý vị sẽ được xử lý tại cơ quan phụ trách của Văn phòng Liên bang về Di cư và Tị nạn (sau đây gọi là: Văn phòng Liên bang). Trong tờ rơi của Cơ quan Tị nạn Liên minh Châu Âu (EUAA) với tiêu đề “Những điều cần biết khi muốn xin bảo hộ quốc tế”, quý vị đã được cung cấp thông tin về thủ tục xin tị nạn. Ngoài ra, quý vị sẽ nhận thêm các hướng dẫn sau đây về việc thực hiện thủ tục xin tị nạn.¹

1. Thông tin về nơi cư trú và lưu trú của quý vị

Nghĩa vụ cư trú trong một cơ sở tiếp nhận theo các điều 47, 48, 49 Luật Tị nạn (AsylG)

Thời hạn nghĩa vụ cư trú trong cơ sở tiếp nhận phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau.

Trong quá trình thực hiện thủ tục xin tị nạn, quý vị có nghĩa vụ cư trú tại cơ sở tiếp nhận được phân công cho cơ quan phụ trách của Văn phòng Liên bang. Trong trường hợp đơn xin tị nạn bị từ chối, nghĩa vụ cư trú tiếp tục có hiệu lực cho đến khi quý vị rời khỏi lãnh thổ hoặc cho đến khi lệnh trục xuất được thi hành. Có thể quyết định về thủ tục xin tị nạn chỉ được ban hành sau khi quý vị đã rời khỏi cơ sở tiếp nhận.

Nghĩa vụ cư trú có hiệu lực tối đa trong thời hạn 18 tháng. Đối với các gia đình có trẻ vị thành niên (bao gồm cha mẹ/người giám hộ, trẻ vị thành niên và anh chị em ruột đã thành niên nhưng chưa kết hôn), nghĩa vụ cư trú chỉ áp dụng trong thời hạn tối đa sáu tháng.

Trong trường hợp quý vị đến từ một quốc gia có nguồn gốc an toàn, thời hạn tối đa của nghĩa vụ cư trú không được áp dụng. Trong trường hợp này, quý vị có nghĩa vụ cư trú tại cơ sở tiếp nhận cho đến khi có quyết định về đơn xin tị nạn. Trong trường hợp đơn xin tị nạn bị từ chối với lý do rõ ràng là không có căn cứ, hoặc trong trường hợp có quyết định chuyển giao sang một quốc gia EU+ khác, nghĩa vụ cư trú tiếp tục có hiệu lực cho đến khi quý vị rời khỏi lãnh thổ. Ngoại lệ đối với quy định này áp dụng cho trẻ vị thành niên cùng với cha mẹ hoặc người giám hộ khác, cũng như anh chị em ruột đã thành niên nhưng chưa kết hôn. Danh mục các quốc gia có nguồn gốc an toàn

¹ Thông báo hiện tại này là phần hướng dẫn chung về thủ tục xin tị nạn. Xin lưu ý rằng các hướng dẫn này không hoàn toàn áp dụng cho công dân các nước EU+, trẻ vị thành niên và việc nộp đơn xin tị nạn từ cơ sở giam giữ. Trong những trường hợp này có thể áp dụng các quy định khác, vui lòng liên hệ với Văn phòng Liên bang.

được trình bày trong phần phụ lục.

Ngay cả khi quý vị không đến từ một quốc gia có nguồn gốc an toàn, quý vị vẫn có thể bị buộc phải cư trú tại cơ sở tiếp nhận cho đến khi có quyết định của Văn phòng Liên bang về đơn xin tị nạn. Trong trường hợp đơn xin tị nạn bị từ chối với lý do rõ ràng là không có căn cứ hoặc bị coi là không hợp lệ, nghĩa vụ cư trú có thể được kéo dài cho đến khi quý vị rời khỏi lãnh thổ. Trong những trường hợp này, nghĩa vụ cư trú có thể kéo dài tổng cộng lên đến 24 tháng.

Cư trú tại lãnh thổ Liên bang các điều 55, 56, 64 AsylG

Để thực hiện thủ tục xin tị nạn, quý vị sẽ được cấp một giấy chứng nhận về việc cho phép cư trú. Giấy chứng nhận này cho phép quý vị được lưu trú trong một khu vực giới hạn thuộc lãnh thổ Cộng hòa Liên bang Đức. Khu vực cư trú được nêu rõ trong giấy chứng nhận về việc cho phép cư trú của quý vị. Quý vị phải luôn mang theo giấy chứng nhận này bên mình. Nếu quý vị muốn tạm thời rời khỏi khu vực được nêu trong giấy chứng nhận về việc cho phép cư trú, về nguyên tắc quý vị cần có giấy phép, giấy phép này có thể được cấp bởi Văn phòng Liên bang trong thời gian quý vị còn nghĩa vụ cư trú tại cơ sở tiếp nhận. Các cuộc hẹn tại cơ quan chức năng hoặc tòa án, nơi yêu cầu sự có mặt trực tiếp của quý vị, có thể được thực hiện mà không cần giấy phép. Tuy nhiên, quý vị phải thông báo về những cuộc hẹn này cho Văn phòng Liên bang.

Vui lòng cho biết liệu đã có thành viên gia đình nào của quý vị đang cư trú tại Đức, nơi họ đang sinh sống, và liệu họ có đang hoặc đã từng thực hiện thủ tục xin tị nạn tại Cộng hòa Liên bang Đức hay không.

Hoạt động nghề nghiệp có thu nhập Điều 61 AsylG

Trong thời gian quý vị có nghĩa vụ cư trú tại cơ sở tiếp nhận, quý vị không được phép thực hiện bất kỳ hoạt động nghề nghiệp có thu nhập nào. Nếu thủ tục xin tị nạn của quý vị không được kết thúc một cách có hiệu lực pháp lý trong vòng ba tháng kể từ ngày đăng ký đơn xin tị nạn, việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp có thu nhập có thể được cho phép trong những điều kiện nhất định.

Quy định về việc tổng đạt và nghĩa vụ thông báo khi thay đổi nơi cư trú

Điều 9 khoản 2 Quy định (EU) 2024/1348 – (AsylVfVO), điều 10 khoản 1-2 Luật Tị nạn – AsylG, điều 50 khoản 4 Luật Cư trú – (AufenthG)

Trong quá trình thực hiện thủ tục xin tị nạn, các thông báo, giấy triệu tập hoặc quyết định từ Văn phòng Liên bang và Sở Ngoại kiều phải được tổng đạt đến quý vị.

Nếu quý vị cư trú trong một cơ sở tiếp nhận, quý vị có trách nhiệm tìm hiểu rõ thời gian và địa điểm phân phát thư chính thức của cơ quan chức năng. Việc phân phát thư chính thức được thực hiện vào ngày làm việc, vào những khung giờ nhất định. Tại đó, quý vị sẽ nhận thư từ một nhân viên của cơ sở tiếp nhận. Nếu quý vị không đến nhận thư trong những khung giờ quy định, thư sẽ được lưu giữ ít nhất bốn ngày để quý vị đến nhận.

Các văn bản tổng đạt và thông báo không chính thức được coi là đã được thực hiện kể từ ngày giao cho quý vị, nếu việc giao này diễn ra trong vòng bốn ngày kể từ khi thư được chuyển đến cơ sở tiếp nhận. Nếu việc giao không được thực hiện trong vòng bốn ngày, thì ngày thứ tư kể từ khi thư được chuyển đến cơ sở tiếp nhận sẽ được coi là ngày tổng đạt – ngay cả khi quý vị không nhận thư hoặc chỉ nhận vào thời điểm muộn hơn.

Nếu việc giao thư không được thực hiện cho quý vị, thư sẽ được gửi trả lại cho cơ quan chức năng. Xin lưu ý rằng ngày tổng đạt hoặc giao nhận được xác định theo quy định này cũng là ngày bắt đầu tính các thời hạn pháp lý có liên quan. Điều này đặc biệt áp dụng đối với thời hạn khởi kiện tại tòa án nhằm phản đối quyết định của Văn phòng Liên bang.

Quý vị có nghĩa vụ thông báo cho Văn phòng Liên bang và Sở Ngoại kiều về mọi sự thay đổi nơi cư trú. Trong trường hợp có thủ tục tố tụng tại tòa án, quý vị cũng phải thông báo địa chỉ mới cho Tòa án Hành chính. Quy định này vẫn có hiệu lực ngay cả khi một cơ quan nhà nước đã chỉ định cho quý vị một nơi cư trú và chỗ ở mới; bởi lẽ, các cơ quan có thẩm quyền phân bổ nơi cư trú thường không phải là cùng một cơ quan với Văn phòng Liên bang.

Việc gửi thư luôn được thực hiện đến địa chỉ cuối cùng mà quý vị đã thông báo cho cơ quan hoặc tòa án. Nếu địa chỉ của quý vị đã thay đổi nhưng chưa được thông báo cho cơ quan chức năng, thư sẽ được gửi đến địa chỉ cũ của quý vị.

Thông báo, giấy triệu tập hoặc quyết định vẫn được coi là có hiệu lực ngay cả khi quý vị không còn cư trú tại địa chỉ đó và do đó không nắm được nội dung của văn bản.

Nếu quý vị không thông báo việc thay đổi nơi cư trú, điều này có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng đối với quý vị. Trong số các hậu quả có thể xảy ra, Văn phòng Liên bang có thể tuyên bố rằng đơn xin tị nạn của quý vị đã bị coi là rút lại, hoặc sau khi tiến hành xem xét nội dung một cách thích hợp, có thể ra quyết định từ chối (xem quy định về việc rút đơn ngầm định).

Cũng có khả năng quý vị sẽ bỏ lỡ thời hạn khởi kiện để nộp đơn khiếu nại, và quyết định của Văn phòng Liên bang sẽ trở thành có hiệu lực pháp lý cuối cùng, không thể bị kháng cáo, nếu quý vị không thông báo nơi cư trú mới và do đó thư từ được gửi đến địa chỉ cũ của quý vị. Các thời hạn pháp lý bắt buộc đối với việc khởi kiện thường rất ngắn, vì vậy quý vị phải hành động ngay lập tức (ví dụ: liên hệ với một luật sư). Nếu không, trong trường hợp quyết định của cơ quan chức năng có hiệu lực pháp lý và không thể kháng cáo, quý vị có thể bị trục xuất ngay lập tức.

Nếu đơn xin tị nạn của quý vị bị từ chối và quý vị có nghĩa vụ rời khỏi Đức, quý vị vẫn phải thông báo trước cho Sở Ngoại kiều có thẩm quyền về mọi sự thay đổi nơi cư trú cũng như việc rời khỏi khu vực thuộc thẩm quyền của cơ quan này trong thời gian quá ba ngày. Nếu quý vị vi phạm nghĩa vụ này, quý vị phải tính đến khả năng bị phát lệnh truy nã để bắt giữ hoặc bị đưa vào trại giam chờ trục xuất.

2. Thủ tục xin tị nạn

Thẩm quyền xét duyệt đơn xin tị nạn của quý vị Điều 16 Quy định (EU) 2024/1351 – (AMMVO)

Nếu một quốc gia khác thuộc EU+ có thẩm quyền xét duyệt đơn xin tị nạn của quý vị, quý vị sẽ được chuyển giao sang quốc gia đó. Quyết định này được đưa ra trong thủ tục xác định thẩm quyền. Chỉ khi thẩm quyền của Cộng hòa Liên bang Đức được xác lập, quốc gia này mới đưa ra quyết định cuối cùng đối với đơn xin tị nạn của quý vị.

Tư vấn pháp lý miễn phí Điều 12b Luật tị nạn, Điều 15, 16 Quy định về thủ tục tị nạn – AsylVfVO, Điều 21 AMMVO

Trong suốt quá trình xin tị nạn, ở tất cả các giai đoạn của thủ tục hành chính, quý vị có thể sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý miễn phí. Nếu đây là lần đầu tiên quý vị nộp đơn xin bảo hộ quốc tế, quy định này cũng sẽ được áp dụng cho cả quy trình xác định quốc gia có thẩm quyền xét duyệt.

Để thực hiện việc này, quý vị sẽ nhận được từ Văn phòng Liên bang một giấy mời tham gia buổi trao đổi tự nguyện, trong đó nội dung sẽ được phiên dịch sang ngôn ngữ mà quý vị cần. Trong phạm vi tư vấn pháp lý miễn phí, quý vị sẽ nhận được những thông tin quan trọng về nội dung và tiến trình của thủ tục, về quyền lợi và nghĩa vụ của mình, cũng như sự hỗ trợ trong việc nộp đơn xin tị nạn và chuẩn bị cho buổi thẩm vấn. Quý vị cũng sẽ nhận được thông tin về những việc có thể thực hiện nếu không đồng ý với quyết định được đưa ra trong thủ tục của mình.

Trong một số trường hợp, quý vị không thể sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý miễn phí, ví dụ như khi

quý vị đã có sự tư vấn pháp lý riêng.

Giới hạn của đơn xin tị nạn Điều 13 khoản 1 Luật tị nạn - AsylG

Ngoài hình thức bảo hộ quốc tế theo luật châu Âu, tại Cộng hòa Liên bang Đức còn tồn tại quyền tị nạn quốc gia được Hiến pháp bảo vệ. Quý vị có thể giới hạn đơn xin tị nạn của mình chỉ trong phạm vi yêu cầu công nhận bảo hộ quốc tế.

Nếu quý vị đã giới hạn đơn xin tị nạn vào việc xin bảo hộ quốc tế trước khi có quyết định được ban hành, thì Văn phòng Liên bang sẽ không đưa ra quyết định về việc công nhận quyền tị nạn theo Hiến pháp, ngay cả khi có thể tồn tại những lý do để công nhận.

Nghĩa vụ hợp tác Điều 8, 15, 15a, 16 Luật tị nạn - AsylG, Điều 9 khoản 2, Điều 41 khoản 1 Quy định về thủ tục tị nạn - AsylVfVO

Để xem xét khả năng được bảo hộ của quý vị, Văn phòng Liên bang phụ thuộc vào sự hợp tác của quý vị. Do đó, theo Điều 15 Luật Tị nạn - AsylG, quý vị có nghĩa vụ cá nhân phải hợp tác trong việc làm rõ sự việc.

Quý vị phải cung cấp thông tin cần thiết bằng lời nói và, khi được yêu cầu, bằng văn bản, một cách trung thực và theo đúng hiểu biết cũng như lương tâm của mình. Nếu quý vị có hộ chiếu hoặc các giấy tờ tùy thân khác, quý vị phải xuất trình và giao nộp cho Văn phòng Liên bang để kiểm tra. Quy định này cũng áp dụng đối với tất cả các giấy tờ hoặc tài liệu khác có thể có ý nghĩa đối với thủ tục xin tị nạn và các biện pháp, bao gồm cả việc xác định và thực hiện khả năng hồi hương sang một quốc gia khác. Quý vị sẽ nhận được một bản sao của các giấy tờ gốc nếu chúng bị cơ quan giữ lại. Nếu quý vị không có hộ chiếu hợp lệ hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu, quý vị phải hợp tác trong việc xin cấp giấy tờ xác nhận nhân thân, trong phạm vi có thể và hợp lý. Quý vị phải giải thích lý do vì sao không có giấy tờ tùy thân và giấy tờ đi lại. Ngoài ra, nếu quý vị không thể xuất trình hộ chiếu hợp lệ, giấy tờ thay thế hộ chiếu hoặc các giấy tờ xác nhận nhân thân phù hợp khác, thì theo yêu cầu, quý vị phải xuất trình, giao nộp và cung cấp cho Văn phòng Liên bang tất cả các thiết bị lưu trữ dữ liệu (ví dụ: điện thoại di động) có thể liên quan đến việc xác định nhân thân và quốc tịch của quý vị, cũng như cung cấp các dữ liệu truy cập cần thiết, kể cả đối với các dịch vụ lưu trữ đám mây. Các thiết bị lưu trữ dữ liệu và dịch vụ đám mây này có thể được Văn phòng Liên bang trích xuất và phân tích dữ liệu. Nếu quý vị không thực hiện nghĩa vụ này, các cơ quan có thẩm quyền có thể tiến hành khám xét quý vị và những đồ vật mà quý vị mang theo. Việc khám xét sẽ được thực hiện bởi một người cùng giới tính với quý vị.

Ngoài ra, quý vị sẽ được chụp ảnh và lấy dấu vân tay. Quý vị có nghĩa vụ phải chấp nhận các biện pháp này. Đối với trẻ em dưới sáu tuổi, sẽ không tiến hành lấy dấu vân tay.

Ngoài ra, quý vị phải thông báo cho Văn phòng Liên bang ngay khi được cấp giấy phép cư trú hoặc khi có sự thay đổi liên quan đến nơi ở, địa chỉ, số điện thoại hoặc địa chỉ email. Quý vị phải tham dự đầy đủ các cuộc hẹn do cơ quan ấn định, đặc biệt là buổi thẩm vấn trực tiếp. Quý vị không được rời khỏi nước Đức cho đến khi kết thúc thủ tục xin tị nạn hoặc cho đến khi được chuyển giao sang quốc gia thành viên có thẩm quyền. Văn phòng Liên bang sẽ nhận được thông tin từ các cơ quan công quyền khác nếu quý vị đi về quốc gia xuất xứ.

Việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hợp tác là vô cùng quan trọng đối với quý vị. Nếu quý vị vi phạm nghĩa vụ hợp tác, đơn xin tị nạn của quý vị có thể bị coi là đã rút lui một cách mặc nhiên, dẫn đến việc chấm dứt thủ tục xin tị nạn hoặc sau khi có sự xem xét nội dung thích hợp sẽ bị từ chối. Xin vui lòng tham khảo chi tiết trong phần “rút lui mặc nhiên đơn xin tị nạn”.

Ngoài ra, việc vi phạm nghĩa vụ hợp tác trong một số trường hợp sẽ dẫn đến việc cắt giảm các khoản trợ cấp dành cho người xin tị nạn, do Văn phòng Liên bang chuyển tiếp thông tin liên quan (Điều 1a khoản 5 Luật về trợ cấp cho người xin tị nạn - AsylbLG, Điều 8 khoản 2a AsylG). Trong những điều kiện nhất định, việc vi phạm nghĩa vụ hợp tác có thể dẫn đến việc quý vị buộc phải cư

trú tại cơ sở tiếp nhận lâu hơn 18 tháng (Điều 47 khoản 1 AsylG).

Nếu quý vị cố tình lừa dối cơ quan chức năng bằng cách cung cấp thông tin hoặc tài liệu sai sự thật, hoặc bằng cách che giấu các thông tin quan trọng, hoặc giữ lại các tài liệu – đặc biệt là về danh tính hoặc quốc tịch của mình – những hành vi có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định cuối cùng, thì hồ sơ của quý vị có thể bị xử lý theo quy trình xét duyệt rút gọn. Điều này cũng áp dụng nếu quý vị cố tình hủy hoại hoặc loại bỏ giấy tờ tùy thân hoặc giấy tờ đi lại nhằm ngăn cản việc xác minh nhân thân hoặc quốc tịch.

Nghĩa vụ hợp tác của quý vị vẫn tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi quý vị rút đơn xin tị nạn một cách rõ ràng hoặc mặc nhiên.

Buổi thẩm vấn Điều 11, 12, 13, 55 Quy định về thủ tục tị nạn – AsylVfVO;

Điều 10 khoản 3, 17, Điều 25 khoản 2 Luật Tị nạn – AsylG

Buổi thẩm vấn về tính hợp lệ và nội dung có thể được tiến hành trong cùng một cuộc hẹn, bắt đầu với phần thẩm vấn về tính hợp lệ.

Quý vị sẽ nhận được một lịch hẹn tham dự buổi thẩm vấn tại Văn phòng Liên bang. Quý vị có nghĩa vụ phải trực tiếp tham dự buổi hẹn này.

Quý vị nhất thiết phải tham dự buổi thẩm vấn theo lịch hẹn. Nếu quý vị không thể tham dự, vui lòng thông báo kịp thời bằng văn bản cho Văn phòng Liên bang. Quý vị có thể được một luật sư mà quý vị đã ủy quyền hoặc một người mà quý vị tin tưởng (người hỗ trợ) đi cùng trong buổi thẩm vấn. Tuy nhiên, Văn phòng Liên bang vẫn có thể tiến hành buổi thẩm vấn ngay cả khi người được ủy quyền hoặc người hỗ trợ không tham dự mà không có lý do chính đáng, mặc dù đã có giấy triệu tập hoặc thông báo về lịch hẹn kịp thời. Quý vị sẽ được một nhân viên của Văn phòng Liên bang thẩm vấn về các lý do dẫn đến việc quý vị nộp đơn xin tị nạn. Nhân viên này am hiểu về tình hình tại quốc gia xuất xứ của quý vị. Trong buổi thẩm vấn sẽ có phiên dịch viên hỗ trợ. Quý vị có quyền tự chi trả chi phí để mời thêm một người thông dịch phù hợp do mình tự lựa chọn tham gia cùng. Trong buổi thẩm vấn, quý vị sẽ có cơ hội trình bày lý do cho đơn xin tị nạn của mình. Quý vị có nghĩa vụ phải trình bày rõ ràng về những lý do khiến quý vị lo sợ bị đàn áp hoặc lo sợ phải chịu những tổn hại nghiêm trọng, dẫn đến việc nộp đơn xin tị nạn, cũng như các sự kiện và hoàn cảnh khác cản trở việc quay trở lại quốc gia gốc của mình. Điều quan trọng là quý vị phải trình bày đầy đủ và trung thực về hoàn cảnh cá nhân cũng như những nguy cơ cụ thể đang đe dọa quý vị khi trở về quốc gia xuất xứ. Quý vị cũng phải cho biết cách thức quý vị đã đến Đức và liệu trước đây quý vị đã từng nộp đơn xin tị nạn hay chưa. Quý vị có nghĩa vụ xuất trình tất cả các giấy tờ cần thiết mà mình đang có, chậm nhất là trong buổi thẩm vấn. Những sự việc mà quý vị không trình bày trong buổi thẩm vấn có thể sau này sẽ không còn được xem xét, cả tại Văn phòng Liên bang lẫn trong một thủ tục tố tụng tại tòa án. Quy định này cũng áp dụng đối với các giấy tờ mà quý vị không xuất trình trong buổi thẩm vấn.

Nếu trong thủ tục của quý vị có thiết bị lưu trữ dữ liệu được trích xuất, phân tích và kết quả phân tích được đưa vào hồ sơ thủ tục theo đúng quy định pháp luật, thì các kết quả này sẽ được sử dụng trong quá trình xét đơn xin tị nạn để xác định nhân thân và quốc tịch của quý vị.

Trong trường hợp quý vị gặp khó khăn trong việc giao tiếp hoặc vì lý do sức khỏe không thể theo dõi buổi thẩm vấn, quý vị phải thông báo điều này cho nhân viên của Văn phòng Liên bang.

Lưu ý:

Buổi thẩm vấn và việc phiên dịch có thể được thực hiện bởi những người cùng giới tính với quý vị, nếu quý vị có nguyện vọng như vậy và điều kiện cho phép.

Văn phòng Liên bang có các nhân viên được đào tạo chuyên biệt để làm việc với những người bị bức hại vì lý do giới tính (ví dụ: bị cưỡng hiếp, bị lạm dụng tình dục, có nguy cơ bị cắt bỏ bộ phận sinh dục, người thuộc nhóm LSBTIQ), trẻ vị thành niên không có người đi cùng, người bị sang chấn tâm lý, nạn nhân tra tấn cũng như nạn nhân của nạn buôn người. Nếu nội dung trình bày của quý vị liên quan đến những vấn đề này, xin vui lòng nêu rõ nguyện vọng về việc phiên dịch và

thăm vấn bởi người cùng giới tính càng sớm càng tốt trước buổi thăm vấn.

Về nội dung buổi thăm vấn sẽ có biên bản ghi lại, trong đó thể hiện những lý do chính yếu mà quý vị đã trình bày. Biên bản có thể được chỉnh sửa trong quá trình dịch ngược từ tiếng Đức nếu phát sinh những hiểu lầm. Biên bản sẽ được trao cho quý vị ngay sau buổi thăm vấn hoặc được gửi qua đường bưu điện. Ngoài ra, một bản ghi âm buổi thăm vấn của quý vị sẽ được thực hiện và đưa vào hồ sơ.

Nếu quý vị đã nộp đơn xin tị nạn chung với vợ/chồng và các con, và cùng cư trú tại một địa chỉ, Văn phòng Liên bang có thể gộp các thông báo và quyết định cho cả gia đình trong một văn bản và gửi cho một người là vợ/chồng hoặc cha/mẹ.

3. Kết thúc thủ tục hành chính về tị nạn

Sau khi thủ tục hành chính về tị nạn kết thúc, quý vị sẽ nhận được quyết định về đơn xin tị nạn của mình dưới hình thức một văn bản thông báo chính thức. Trong trường hợp có quyết định từ chối toàn bộ đơn xin tị nạn của quý vị, quý vị có nghĩa vụ phải rời khỏi nước Đức nếu quyết định này đi kèm với một quyết định hồi hương.

Đơn xin tị nạn của quý vị có thể được quý vị rút lại một cách rõ ràng hoặc bị Văn phòng Liên bang coi là đã rút lại. Với việc rút đơn, thủ tục có thể được kết thúc mà không cần xem xét nội dung, hoặc đơn xin tị nạn của quý vị vẫn có thể bị từ chối về mặt nội dung nếu tất cả các tình tiết có liên quan đến quyết định đã được biết đến.

Rút lui mặc nhiên đơn xin tị nạn Điều 32 Luật Tị nạn – AsylG, Điều 41 Quy định về thủ tục tị nạn – AsylVfVO

Nếu quý vị không thực hiện một số nghĩa vụ hợp tác nhất định, sẽ được coi là quý vị đã mặc nhiên tuyên bố rút đơn xin tị nạn của mình. Điều này xảy ra nếu quý vị không nộp đơn xin tị nạn đúng thời hạn mặc dù đã có cơ hội, nếu quý vị không đăng ký tại cơ sở tiếp nhận có thẩm quyền (nơi quý vị có thể đã được chuyển đến), hoặc nếu quý vị nhiều lần không cung cấp địa chỉ cư trú hoặc vi phạm nghĩa vụ khai báo địa chỉ. Đơn của quý vị cũng được coi là đã rút lui một cách mặc nhiên nếu quý vị không tham dự buổi thăm vấn mà không có lý do chính đáng, nếu quý vị từ chối việc chụp ảnh và lấy dấu vân tay, hoặc nếu quý vị rời khỏi nước Đức trước khi thủ tục xin tị nạn kết thúc.

Nếu việc vi phạm nghĩa vụ là do lỗi của quý vị, Văn phòng Liên bang sẽ ban hành một quyết định chính thức, trong đó tuyên bố rằng đơn xin tị nạn đã được rút lui một cách mặc nhiên. Nếu Văn phòng Liên bang đã xác định rằng quý vị không đáp ứng các điều kiện để được công nhận quy chế bảo hộ quốc tế, đơn xin tị nạn của quý vị sẽ bị từ chối.

Nếu đơn xin tị nạn của quý vị bị coi là đã rút lui một cách mặc nhiên, Văn phòng Liên bang sẽ ra quyết định dựa trên hồ sơ mà không cần tiến hành thêm buổi thăm vấn, để xác định liệu có lệnh cấm trục xuất hay không, và trong trường hợp cần thiết sẽ ban hành quyết định hồi hương. Nếu một quốc gia EU+ khác có thẩm quyền xét đơn xin tị nạn của quý vị, Văn phòng Liên bang sẽ quyết định rằng quý vị sẽ được chuyển giao sang quốc gia đó.

Mặc dù quý vị đã rút đơn xin tị nạn, nghĩa vụ hợp tác của quý vị vẫn tiếp tục có hiệu lực. Giấy phép cư trú tạm thời của quý vị sẽ chấm dứt và quý vị có nghĩa vụ phải rời khỏi nước Đức trong vòng một tuần. Có khả năng quý vị sẽ bị áp đặt lệnh cấm nhập cảnh và cấm cư trú.

Rút đơn xin tị nạn một cách rõ ràng Điều 32 Luật Tị nạn – AsylG, Điều 40 khoản Quy định về thủ tục tị nạn - AsylVfVO

Quý vị có thể rút đơn xin tị nạn của mình bất kỳ lúc nào trong quá trình thủ tục, cho đến khi quyết

định về đơn xin tị nạn có hiệu lực cuối cùng. Việc rút đơn có thể được thực hiện bằng văn bản trực tiếp bởi quý vị hoặc thông qua luật sư đại diện, tại bất kỳ văn phòng chi nhánh hoặc trụ sở chính của Văn phòng Liên bang, cũng như tại các cơ quan có thẩm quyền khác (cảnh sát liên bang, cảnh sát bang, trại giam hoặc Sở Ngoại kiều). Văn phòng Liên bang sẽ ban hành một quyết định chính thức, trong đó tuyên bố rằng đơn xin tị nạn đã được rút một cách rõ ràng. Nếu Văn phòng Liên bang đã xác định rằng quý vị không đáp ứng các điều kiện để được công nhận quy chế bảo hộ quốc tế, đơn xin tị nạn của quý vị sẽ bị từ chối. Trong trường hợp đơn xin tị nạn được coi là đã rút một cách rõ ràng, Văn phòng Liên bang sẽ ra quyết định dựa trên hồ sơ mà không cần tiến hành thêm buổi thẩm vấn, để xác định liệu có lệnh cấm trục xuất hay không, và trong trường hợp cần thiết sẽ ban hành quyết định hồi hương. Nếu một quốc gia EU+ khác có thẩm quyền xét đơn xin bảo hộ của quý vị, Văn phòng Liên bang sẽ quyết định rằng quý vị sẽ được chuyển giao sang quốc gia đó.

Quyết định tuyên bố rằng đơn xin tị nạn đã được rút một cách rõ ràng không thể bị kháng cáo. Đối với quyết định này, quý vị không thể sử dụng bất kỳ biện pháp khiếu nại pháp lý nào để kháng cáo. Tuy nhiên, đối với việc xác định liên quan đến lệnh cấm trục xuất, quyết định hồi hương cũng như các quyết định khác được ban hành trong mối liên hệ này, quý vị vẫn có thể nộp đơn kháng cáo. Việc rút đơn xin tị nạn không chấm dứt nghĩa vụ hợp tác của quý vị. Quý vị sẽ nhận được thông tin về tất cả các hậu quả pháp lý của việc rút đơn tại thời điểm quý vị đưa ra tuyên bố rút đơn.

Hậu quả đối với việc cấp giấy phép cư trú khi rút đơn hoặc khi đơn bị từ chối và không thể kháng cáo Điều 14 khoản 1 câu 3 Luật Tị nạn – AsylG kết hợp với Điều 10 khoản 3 Luật Cư trú – AufenthG

Nếu đơn xin tị nạn của quý vị được coi là đã rút, quý vị đã rút đơn một cách rõ ràng hoặc đơn của quý vị đã bị từ chối và không thể kháng cáo, thì việc cấp giấy phép cư trú sẽ chịu một số hạn chế nhất định. Theo đó, giấy phép cư trú chỉ có thể được cấp vì các lý do thuộc luật pháp quốc tế, nhân đạo hoặc chính trị, hoặc cho các mục đích khác (ví dụ: hoạt động nghề nghiệp hoặc học tập), nếu có quyền hợp pháp để được cấp giấy phép cư trú.

Giấy phép cư trú tạm thời cho đào tạo nghề và việc làm Điều 60c, 60d Luật cư trú - AufenthG

Nếu đơn xin tị nạn của quý vị bị từ chối, quý vị có nghĩa vụ phải rời khỏi nước Đức. Một thời gian cư trú bổ sung có thể được cho phép dưới hình thức giấy phép cư trú tạm thời nếu quý vị đang tham gia đào tạo nghề hoặc có việc làm thuộc diện đóng bảo hiểm xã hội.

Việc cấp giấy phép cư trú tạm thời như vậy phụ thuộc, trong số những điều kiện khác, vào việc danh tính của quý vị được làm rõ trong vòng sáu tháng kể từ khi nhập cảnh. Thông thường, danh tính được chứng minh bằng hộ chiếu. Nếu không thể xuất trình hộ chiếu, các giấy tờ chính thức khác do quốc gia xuất xứ cấp cũng có thể được chấp nhận để chứng minh danh tính của quý vị. Nếu trong thời hạn nêu trên quý vị đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết để làm rõ danh tính, giấy phép cư trú tạm thời vẫn có thể được cấp ngay cả khi danh tính của quý vị chỉ được xác minh ở một thời điểm muộn hơn. Do đó, việc quý vị xuất trình tất cả các giấy tờ có thể chứng minh danh tính trong quá trình xin tị nạn là vì lợi ích của chính quý vị. Quý vị có thể nhận thêm thông tin về giấy phép cư trú tạm thời cho đào tạo nghề hoặc việc làm tại Sở Ngoại kiều có thẩm quyền đối với quý vị.

Hồi hương tự nguyện Điều 14 khoản 3 Luật Tị nạn – AsylG

Quý vị sẽ nhận được thêm thông tin riêng về các khả năng hồi hương tự nguyện tại quê hương của mình.

4. Quy định hình sự Điều 69 khoản 1, 70, 84, 85, 86 Luật tị nạn - AsylG

Nếu quý vị nhận được lệnh chỉ định đến một cơ sở tiếp nhận mà không có mặt ngay lập tức tại địa điểm đã được chỉ định, quý vị có thể bị xử phạt bằng hình phạt tù lên đến một năm hoặc bị phạt tiền. Hình phạt này cũng được áp dụng nếu quý vị nhiều lần vi phạm quy định hạn chế phạm vi cư trú trong khu vực thuộc thẩm quyền của Sở Ngoại kiều. Điều này cũng có hiệu lực nếu quý vị phải tuân theo một quy định đặc biệt về hạn chế phạm vi cư trú và vi phạm quy định đó.

Nếu quý vị không có khả năng tự đảm bảo sinh kế, quý vị có thể bị buộc phải chuyển đến một địa phương, căn hộ hoặc cơ sở lưu trú nhất định, kể cả trong khu vực thuộc thẩm quyền của một Sở Ngoại kiều khác. Trong trường hợp quý vị chống lại quy định này, quý vị có thể bị phạt tù lên đến một năm hoặc bị phạt tiền.

Nếu quý vị tự ý tham gia hoạt động nghề nghiệp có thu nhập mà không được phép, quý vị có thể bị phạt tù lên đến một năm hoặc bị phạt tiền.

Nếu quý vị, mặc dù biết rõ, không cung cấp thông tin bắt buộc về tuổi, danh tính hoặc quốc tịch của mình, hoặc cung cấp thông tin sai hoặc không đầy đủ, hoặc từ chối xuất trình hoặc giao nộp hộ chiếu, giấy tờ thay thế hộ chiếu, giấy tờ cần thiết khác, tài liệu hoặc thiết bị lưu trữ dữ liệu, quý vị cũng có thể bị phạt tù lên đến một năm hoặc bị phạt tiền.

Nếu quý vị trong quá trình xin tị nạn trước Văn phòng Liên bang hoặc trong thủ tục tố tụng tại tòa án đưa ra thông tin sai hoặc không đầy đủ nhằm đạt được sự công nhận là người được hưởng quyền tị nạn hoặc được cấp quy chế bảo hộ quốc tế theo Điều 1 khoản 1 mục số 2 Luật Tị nạn, hoặc nhằm ngăn chặn việc hủy bỏ quy chế bảo hộ, quý vị có thể bị phạt tù lên đến ba năm hoặc bị phạt tiền. Quy định này cũng áp dụng nếu quý vị xúi giục người nước ngoài khác nộp đơn xin tị nạn một cách lạm dụng hoặc cung cấp thông tin sai trong thủ tục xin tị nạn. Nếu quý vị thực hiện hành vi này để có lợi ích về tài sản hoặc tác động đến hơn năm người nước ngoài trong lời khai của mình, quý vị có thể bị phạt tù lên đến 5 năm hoặc bị phạt tiền. Nếu quý vị thực hiện hành vi này một cách có tổ chức, mang tính chất kinh doanh hoặc với tư cách là thành viên của một băng nhóm, quý vị có thể bị phạt tù lên đến 10 năm. Việc cố tình vi phạm cũng có thể bị phạt.

Nếu quý vị công bố hoặc cho phép người khác tiếp cận bản ghi âm buổi thẩm vấn của mình hoặc một đoạn được nêu ra trong đó, quý vị có thể bị phạt tiền lên đến 3.000 Euro. Quy định này cũng áp dụng nếu quý vị vi phạm hạn chế cư trú đã được áp đặt đối với mình.

Trong trường hợp có hành vi sai phạm nhất định, quý vị có thể bị tạm giam theo lệnh của tòa án. Điều này đặc biệt đúng nếu quý vị bỏ trốn để ngăn cản việc xác minh danh tính, không tuân thủ hạn chế về quyền tự do đi lại hoặc gây nguy hiểm cho các quyền lợi quan trọng của người khác. Các cơ sở giam giữ này được tách biệt khỏi nhà tù dành cho việc thi hành án hình sự thông thường. Việc tạm giam trong thủ tục xin tị nạn có thể được áp dụng nếu danh tính hoặc quốc tịch của quý vị không thể được xác minh do lỗi của chính quý vị và quý vị cố tình tránh né bằng cách bỏ trốn. Ngoài ra, tạm giam trong thủ tục xin tị nạn cũng có thể được áp dụng nếu quý vị vi phạm hạn chế về quyền tự do đi lại đã được áp đặt và có nguy cơ bỏ trốn. Nếu quý vị gây ra mối nguy hiểm nghiêm trọng đối với tính mạng và sức khỏe của người khác hoặc đối với các quyền lợi quan trọng của an ninh nội bộ, việc tạm giam trong thủ tục xin tị nạn cũng có thể được áp dụng.

Các trích đoạn quan trọng từ Luật Tị nạn và Quy định (EU) 2024/1348 được in kèm dưới đây. Nếu quý vị có thắc mắc liên quan, vui lòng liên hệ ngay với Văn phòng Liên bang

§ 10 AsylG Zustellungsvorschriften (Auszug)

(1) Unbeschadet der Pflicht aus Artikel 9 Absatz 2 Unterabsatz 1 Buchstabe c der Verordnung (EU) 2024/1348 hat der Ausländer während der Dauer des Asylverfahrens vorzusorgen, dass ihn Mitteilungen des Bundesamtes, der zuständigen Ausländerbehörde und der angerufenen Gerichte stets erreichen können; insbesondere hat er jeden Wechsel seiner Anschrift den genannten Stellen unverzüglich anzuzeigen.

(2) Liegt ein Fall des Artikels 36 Absatz 1 Satz 2 der Verordnung (EU) 2024/1348 oder des Artikels 42 Absatz 3 der Verordnung (EU) 2024/1351 vor, soll an den Bevollmächtigten zugestellt werden, sofern der Ausländer einen solchen bestellt hat. Unbeschadet von Artikel 9 Absatz 3 Unterabsatz 1 der Verordnung (EU) 2024/1348 muss der Ausländer Zustellungen und formlose Mitteilungen unter der letzten Anschrift, die der jeweiligen Stelle nach Absatz 1 auf Grund seines Asylantrags oder seiner Mitteilung bekannt ist, gegen sich gelten lassen, wenn er für das Verfahren weder einen Bevollmächtigten bestellt noch einen Empfangsberechtigten benannt hat oder diesen nicht zugestellt werden kann. Das Gleiche gilt, wenn die letzte bekannte Anschrift, unter der der Ausländer wohnt oder zu wohnen verpflichtet ist, durch eine öffentliche Stelle mitgeteilt worden ist. Der Ausländer muss Zustellungen und formlose Mitteilungen anderer als der in Absatz 1 bezeichneten öffentlichen Stellen unter der Anschrift gegen sich gelten lassen, unter der er nach den Sätzen 2 und 3 Zustellungen und formlose Mitteilungen des Bundesamtes gegen sich gelten lassen muss. Kann die Sendung dem Ausländer nicht zugestellt werden, so gilt die Zustellung mit der Aufgabe zur Post als bewirkt, selbst wenn die Sendung als unzustellbar zurückkommt.

(3) Betreiben Familienangehörige im Sinne des § 26 Absatz 1 bis 3 ein gemeinsames Asylverfahren und ist nach Absatz 2 für alle Familienangehörigen dieselbe Anschrift maßgebend, können für sie bestimmte Entscheidungen und Mitteilungen in einem Bescheid oder einer Mitteilung zusammengefasst und einem Familienangehörigen zugestellt werden, sofern er volljährig ist. In der Anschrift sind alle volljährigen Familienangehörigen zu nennen, für die die Entscheidung oder Mitteilung bestimmt ist. In der Entscheidung oder Mitteilung ist ausdrücklich darauf hinzuweisen, gegenüber welchen Familienangehörigen sie gilt.

(4) In einer Aufnahmeeinrichtung hat diese Zustellungen und formlose Mitteilungen an die Ausländer, die nach Maßgabe des Absatzes 2 Zustellungen und formlose Mitteilungen unter der Anschrift der Aufnahmeeinrichtung gegen sich gelten lassen müssen, vorzunehmen. Postausgabe- und Postverteilungszeiten sind für jeden Werktag durch Aushang bekannt zu machen. Der Ausländer hat sicherzustellen, dass ihm Posteingänge während der Postausgabe- und Postverteilungszeiten in der Aufnahmeeinrichtung ausgehändigt werden können. Zustellungen und formlose Mitteilungen sind mit der Aushändigung an den Ausländer bewirkt; im Übrigen gelten sie am vierten Tag nach Übergabe an die Aufnahmeeinrichtung als bewirkt.

(5) Die Vorschriften über die Ersatzzustellung bleiben unberührt.

[...]

§ 12b AsylG Unentgeltliche Rechtsauskunft

(1) Das Bundesamt gewährt auf Ersuchen des Antragstellers unentgeltlich Rechtsauskunft nach Artikel 16 der Verordnung (EU) 2024/1348 und nach Artikel 21 der Verordnung (EU) 2024/1351.

(2) In den Fällen des Artikels 16 Absatz 3 der Verordnung (EU) 2024/1348 und des Artikels 21 Absatz 7 der Verordnung (EU) 2024/1351 ist die Rechtsauskunft ausgeschlossen.

§ 15 AsylG Allgemeine Mitwirkungspflichten

(1) Der Ausländer ist persönlich verpflichtet, bei der Aufklärung des Sachverhalts mitzuwirken. Dies gilt auch, wenn er sich durch einen Bevollmächtigten vertreten lässt.

(2) Er ist unbeschadet von Artikel 9 Absatz 2 der Verordnung (EU) 2024/1348 und Artikel 17 Absatz 3 der Verordnung (EU) 2024/1351 insbesondere verpflichtet,

1. den mit der Ausführung dieses Gesetzes betrauten Behörden die erforderlichen Angaben wahrheitsgemäß und nach bestem Wissen und Gewissen mündlich und nach Aufforderung auch schriftlich zu machen;
2. das Bundesamt unverzüglich zu unterrichten, wenn ihm ein Aufenthaltstitel erteilt worden ist;
3. den gesetzlichen und behördlichen Anordnungen, sich bei bestimmten Behörden oder Einrichtungen zu melden oder dort persönlich zu erscheinen, Folge zu leisten;
4. seinen Pass oder Passersatz den mit der Ausführung dieses Gesetzes betrauten Behörden vorzulegen, auszuhändigen und zu überlassen;
5. alle erforderlichen Urkunden und sonstigen Unterlagen, die in seinem Besitz sind, den mit der Ausführung dieses Gesetzes betrauten Behörden vorzulegen, auszuhändigen und zu überlassen;
6. im Falle des Nichtbesitzes eines gültigen Passes oder Passersatzes an der Beschaffung eines Identitätspapiers mitzuwirken und auf Verlangen alle Datenträger, die für die Feststellung seiner Identität und Staatsangehörigkeit von Bedeutung sein können und in deren Besitz er ist, den mit der Ausführung dieses Gesetzes betrauten Behörden vorzulegen, auszuhändigen und zu überlassen;
7. die vorgeschriebenen erkennungsdienstlichen Maßnahmen zu dulden.

(3) Erforderliche Urkunden und sonstige Unterlagen nach Absatz 2 Nr. 5 sind insbesondere

1. alle Urkunden und Unterlagen, die neben dem Pass oder Passersatz für die Feststellung der Identität und Staatsangehörigkeit von Bedeutung sein können,
2. von anderen Staaten erteilte Visa, Aufenthaltstitel und sonstige Grenzübergangspapiere,
3. Flugscheine und sonstige Fahrausweise,
4. Unterlagen über den Reiseweg vom Herkunftsland in das Bundesgebiet, die benutzten Beförderungsmittel und über den Aufenthalt in anderen Staaten nach der Ausreise aus dem Herkunftsland und vor der Einreise in das Bundesgebiet sowie
5. alle sonstigen Urkunden und Unterlagen, auf die der Ausländer sich beruft oder die für die zu treffenden asyl- und ausländerrechtlichen Entscheidungen und Maßnahmen einschließlich der Feststellung und Geltendmachung einer Rückführungsmöglichkeit in

einen anderen Staat von Bedeutung sind.

(4) Die mit der Ausführung dieses Gesetzes betrauten Behörden sowie die für die Aufnahmeeinrichtungen nach § 44 Absatz 1 zuständigen Behörden der Länder können den Ausländer und Sachen, die von ihm mitgeführt werden, durchsuchen, wenn der Ausländer seinen Verpflichtungen nach Absatz 2 Nummer 4 und 5 nicht nachkommt sowie nicht gemäß Absatz 2 Nummer 6 auf Verlangen die Datenträger vorlegt, aushändigt oder überlässt und Anhaltspunkte bestehen, dass er im Besitz solcher Unterlagen oder Datenträger ist. Der Ausländer darf nur von einer Person gleichen Geschlechts durchsucht werden.

(5) Durch die Rücknahme des Asylantrags werden die Mitwirkungspflichten des Ausländers nicht beendet.

§ 25 AsylG Anhörung im Asylverfahren (Auszug)

(1) Der Ausländer hat alle Tatsachen und Umstände anzugeben, die einer Abschiebung oder einer Abschiebung in einen bestimmten Staat entgegenstehen.

(2) Ein späteres Vorbringen des Ausländers kann unberücksichtigt bleiben, wenn andernfalls die Entscheidung des Bundesamtes verzögert würde. Artikel 28 Absatz 6 der Verordnung (EU) 2024/1348 bleibt unberührt. Der Ausländer ist hierauf und auf § 36 Absatz 3 Satz 3 hinzuweisen.

[...]

§ 36 Absatz 3 Satz 3 AsylG

Ein Vorbringen, das nach § 25 Absatz 2 im Asylverfahren unberücksichtigt geblieben ist, sowie Tatsachen und Umstände im Sinne des § 25 Absatz 1, die der Ausländer im Asylverfahren nicht angegeben hat, kann das Gericht unberücksichtigt lassen, wenn andernfalls die Entscheidung verzögert würde.

§ 69 AsylG Asylverfahrenshaft (Auszug)

(1) Ein Ausländer darf während des Asylverfahrens auf richterliche Anordnung nur in Haft genommen werden (Asylverfahrenshaft),

1. wenn im Rahmen der Überprüfung des Ausländers gemäß Artikel 5 oder 7 der Verordnung (EU) 2024/1356 seine Identität oder Staatsangehörigkeit aus von ihm zu vertretenden Gründen nicht festgestellt werden konnte und konkrete Anhaltspunkte dafür vorliegen, dass er sich der Nachholung dieser Feststellung im Asylverfahren entziehen wird, indem er untertaucht,

2. um sicherzustellen, dass der Ausländer die ihm durch eine Anordnung nach § 68 Absatz 1 Satz 1 oder Absatz 6 Satz 1 oder nach § 68a Absatz 1 Satz 1 oder Absatz 3 Satz 1 auferlegten rechtlichen Pflichten erfüllt, wenn er diesen Pflichten nicht nachgekommen ist, und weiterhin Fluchtgefahr besteht,

[...]

5. wenn von dem Ausländer eine erhebliche Gefahr für Leib und Leben Dritter oder bedeutende Rechtsgüter der inneren Sicherheit ausgeht. In den Fällen des Satzes 1 Nummer 5 beträgt die höchstzulässige Dauer der Haft jeweils einen Monat und kann jeweils bis zu einer Gesamtdauer von zwei Monaten verlängert werden.

(2) Die Anordnung von Asylverfahrenshaft ist unzulässig, wenn sie als Mittel der Zweckerreichung nicht geeignet oder verhältnismäßig ist oder wenn der Zweck der Haft durch ein milderer Mittel erreicht werden kann. Ein milderer Mittel als Haft kann auch die Leistung einer angemessenen Sicherheit durch den Ausländer oder einen Dritten darstellen. Auf das Verfahren zur

Aussetzung der Haft gegen Sicherheitsleistung findet § 116a der Strafprozessordnung entsprechend Anwendung. Die Inhaftnahme ist auf die kürzest mögliche Dauer zu beschränken. Asylverfahren, auf die Absatz 1 Bezug nimmt, werden mit der gebotenen Sorgfalt durchgeführt. Eine Verlängerung der Haft auf Grund von Verzögerungen in diesen Asylverfahren ist nur zulässig, wenn diese dem Ausländer zuzurechnen sind.

[...]

(4) Die für den Haftantrag zuständige Behörde kann einen Ausländer ohne vorherige richterliche Anordnung festhalten und vorläufig in Gewahrsam nehmen, wenn

1. dringende Gründe für die Annahme bestehen, dass die Voraussetzungen für die Anordnung von Haft nach Absatz 1 gegeben sind,

2. die richterliche Entscheidung über die Anordnung der Haft nicht vorher eingeholt werden kann und

3. der begründete Verdacht vorliegt, dass sich der Ausländer der Anordnung der Haft entziehen will.

Die Maßnahmen nach Satz 1 sind schriftlich anzuordnen. Der Ausländer ist unverzüglich dem Richter zur Überprüfung der Rechtmäßigkeit der Inhaftnahme und zur Entscheidung über die Fortdauer der Haft vorzuführen. Ist die Fortdauer der Haft nicht bis zum Ablauf des auf die Inhaftnahme folgenden Tages durch richterliche Entscheidung angeordnet, ist der Ausländer freizulassen.

§ 85 AsylG Sonstige Straftaten

(1) Mit Freiheitsstrafe bis zu einem Jahr oder mit Geldstrafe wird bestraft, wer

1. entgegen § 50 Absatz 6, sich nicht unverzüglich zu der angegebenen Stelle begibt,

2. wiederholt einer Aufenthaltsbeschränkung nach § 56 oder § 59b Absatz 1 zuwiderhandelt,

3. einer vollziehbaren Anordnung nach 60 Absatz 2 Satz 1, nicht rechtzeitig nachkommt,

4. entgegen 61 Absatz 1, eine Erwerbstätigkeit ausübt,

5. entgegen § 15 Absatz 2 Nummer 1 wider besseres Wissen eine erforderliche Angabe zu seinem Alter, seiner Identität oder seiner Staatsangehörigkeit nicht, nicht richtig oder nicht vollständig macht, soweit nicht die Tat in Absatz 2 mit Strafe bedroht ist oder

6. entgegen § 15 Absatz 2 Nummer 4 bis 6 einen Pass, Passersatz, erforderliche Urkunden, sonstige Unterlagen oder Datenträger nicht vorlegt, aushändigt oder überlässt.

(2) Mit Freiheitsstrafe bis zu drei Jahren oder mit Geldstrafe wird bestraft, wer im Asylverfahren vor dem Bundesamt oder im gerichtlichen Verfahren unrichtige oder unvollständige Angaben macht oder benutzt, um

1. die Anerkennung als Asylberechtigter, die Zuerkennung internationalen Schutzes im Sinne des § 1 Absatz 1 Nummer 2 oder die Feststellung der Voraussetzungen des § 60 Absatz 5 oder Absatz 7 des Aufenthaltsgesetzes zu erreichen oder

2. den Entzug der Anerkennung als Asylberechtigter, der Zuerkennung internationalen Schutzes im Sinne des § 1 Absatz 1 Nummer 2 den Widerruf oder die Rücknahme oder der Feststellung der Voraussetzungen des § 60 Absatz 5 oder Absatz 7 Satz 1 des Aufenthaltsgesetzes abzuwenden.

Artikel 9 AsylVfVO Pflichten des Antragstellers

(1) Der Antragsteller stellt den Antrag in dem Mitgliedstaat gemäß Artikel 9 Absätze 1 und 2 der Verordnung (EU) 2024/1351.

(2) Der Antragsteller kooperiert in den unter diese

Verordnung fallenden Angelegenheiten uneingeschränkt mit den zuständigen Behörden gemäß Artikel 4, insbesondere indem er

- a) die in Artikel 27 Absatz 1 Buchstaben a, b und d genannten Daten bereitstellt;
- b) eine Begründung angibt, wenn er nicht im Besitz eines Identitäts- oder Reisedokuments ist;
- c) Angaben zu etwaigen Änderungen in Bezug auf Aufenthaltsort, Anschrift, Telefonnummer oder E-Mail-Adresse macht;
- d) biometrische Daten zur Verfügung stellt;
- e) seinen Antrag gemäß Artikel 28 einreicht und während des gesamten Verfahrens verfügbar bleibt;
- f) die in seinem Besitz befindlichen und für die Prüfung des Antrags relevanten Dokumente so schnell wie möglich aushändigt;
- g) an der persönlichen Anhörung unbeschadet des Artikels 13 teilnimmt;
- h) im Hoheitsgebiet des Mitgliedstaats verbleibt, in dem er sich gemäß Artikel 17 Absatz 4 der Verordnung (EU) 2024/1351 aufzuhalten hat.

Beschließen die zuständigen Behörden, Dokumente gemäß Unterabsatz 1 Buchstabe f einzubehalten, so stellen sie sicher, dass der Antragsteller unverzüglich Kopien der Originale erhält. Im Falle einer Überstellung gemäß Artikel 46 der Verordnung (EU) 2024/1351 händigen die zuständigen Behörden dem Antragsteller diese Dokumente zum Zeitpunkt der Überstellung wieder aus.

Artikel 40 AsylVfVO Ausdrückliche Rücknahme von Anträgen

(1) Ein Antragsteller kann seinen Antrag aus eigener Initiative zu jedem Zeitpunkt des Verfahrens zurücknehmen. Der Antrag wird vom Antragsteller persönlich schriftlich zurückgenommen, oder von seinem Rechtsberater, der seine rechtliche Vertretung ausübt, nach Maßgabe des nationalen Rechts abgegeben.

(2) Die zuständigen Behörden unterrichten den Antragsteller zum Zeitpunkt der Rücknahme des Antrags in einer Sprache, die er versteht oder von der vernünftigerweise angenommen werden kann, dass er sie versteht, gemäß Artikel 8 Absatz 2 Buchstabe c über alle verfahrensrechtlichen Folgen dieser Rücknahme.

(3) Findet die ausdrückliche Rücknahme vor einer anderen zuständigen Behörde als der Asylbehörde statt, so unterrichtet diese Behörde die Asylbehörde über diese Rücknahme. Die Asylbehörde erlässt eine Entscheidung, mit der erklärt wird, dass der Antrag ausdrücklich zurückgenommen wurde. Diese Entscheidung ist endgültig und kann nicht mit einem Rechtsbehelf gemäß Kapitel V dieser Verordnung angefochten werden.

(4) Hat die Asylbehörde in der Phase, in der der Antrag vom Antragsteller ausdrücklich zurückgenommen wurde, bereits festgestellt, dass der Antragsteller die Voraussetzungen für die Zuerkennung des internationalen Schutzes gemäß der Verordnung (EU) 2024/1347 nicht erfüllt, so kann sie trotzdem die Entscheidung treffen, den Antrag als unbegründet oder offensichtlich unbegründet abzulehnen.

Artikel 41 AsylVfVO Stillschweigende Rücknahme von Anträgen

(1) Ein Antrag wird für stillschweigend zurückgenommen erklärt, wenn

- a) der Antragsteller seinen Antrag ohne rechtfertigenden Grund nicht gemäß Artikel 28 eingereicht hat, obwohl er

die

tatsächliche Gelegenheit dazu hatte;

b) der Antragsteller die Zusammenarbeit verweigert, indem er die Informationen gemäß Artikel 27 Absatz 1 Buchstaben a und b nicht angibt oder seine biometrischen Daten nicht erfassen lässt;

c) der Antragsteller sich weigert, seine Anschrift anzugeben, wenn er eine hat, es sei denn, die zuständigen Behörden stellen eine Unterkunft bereit;

d) der Antragsteller ohne rechtfertigenden Grund nicht an einer persönlichen Anhörung teilgenommen hat, obwohl er gemäß Artikel 13 dazu verpflichtet war, oder ohne rechtfertigenden Grund die Beantwortung von Fragen während der Anhörung insoweit abgelehnt hat, als dadurch das Ergebnis der Anhörung nicht ausreicht, um über die Begründetheit des Antrags zu entscheiden;

e) der Antragsteller seinen Meldepflichten gemäß Artikel 9 Absatz 4 wiederholt nicht nachgekommen ist oder der zuständigen Behörde oder den Justizbehörden nicht weiterhin zur Verfügung steht, es sei denn, er kann nachweisen, dass diese Nichtverfügbarkeit auf bestimmte Umstände zurückzuführen ist, die sich seinem Einfluss entziehen;

f) der Antragsteller den Antrag in einem anderen als dem in Artikel 17 Absätze 1 und 2 der Verordnung (EU) 2024/1351 vorgesehenen Mitgliedstaat eingereicht hat und sich bis zur Bestimmung des zuständigen Mitgliedstaats oder gegebenenfalls bis zur Durchführung des Überstellungsverfahrens nicht im vorgesehenen Mitgliedstaat aufhält.

(2) Handelt es sich bei der Behörde, die prüft, ob der Antrag stillschweigend zurückgenommen wurde, um eine andere zuständige Behörde als die Asylbehörde, und ist diese Behörde der Auffassung, dass der Antrag als stillschweigend zurückgenommen zu betrachten ist, so unterrichtet diese Behörde die Asylbehörde entsprechend. Die Asylbehörde erlässt eine Entscheidung, mit der erklärt wird, dass der Antrag stillschweigend zurückgenommen wurde.

(3) Ist der Antragsteller anwesend, so unterrichtet die zuständige Behörde ihn zum Zeitpunkt der Rücknahme in einer Sprache, die er versteht oder von der vernünftigerweise angenommen werden kann, dass er sie versteht, gemäß Artikel 8 Absatz 2 Buchstabe c über alle verfahrensrechtlichen Folgen dieser Rücknahme.

(4) Die zuständige Behörde kann das Verfahren aussetzen, um dem Antragsteller die Möglichkeit zu geben, Unterlassungen oder Handlungen gemäß Absatz 1 zu begründen oder zu berichtigen, bevor eine Entscheidung ergeht, mit der der Antrag für stillschweigend zurückgenommen erklärt wird.

(5) Ein Antrag kann als unbegründet oder offensichtlich unbegründet abgelehnt werden, wenn die Asylbehörde in der Phase, in der der Antrag stillschweigend zurückgenommen wurde, bereits festgestellt hat, dass der Antragsteller nicht die Voraussetzungen für die Zuerkennung des internationalen Schutzstatus gemäß der Verordnung (EU) 2024/1347 erfüllt.

Anlage II zu § 29a AsylG – Sichere Herkunftsstaaten

Albanien

Bosnien und Herzegowina

Georgien

Ghana

Kosovo

Moldau (Republik)

Montenegro

Nordmazedonien

Senegal
Serbien

§ 1 Verordnung zur Bestimmung von sicheren
Herkunftsstaaten für den internationalen Schutz
Sichere Herkunftsstaaten im Sinne des § 29b AsylG
sind:

1. Albanien
2. Bosnien und Herzegowina
3. Georgien
4. Ghana
5. Kosovo
6. Moldau, Republik
7. Montenegro
8. Nordmazedonien
9. Senegal
10. Serbien